

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016**



## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	1 - 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 - 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 39

3004  
CỔ  
ĐẠI  
KIỂM  
FCV  
7 - TF

12/2023  
CỔ  
ĐẠI  
KIỂM  
FCV  
7 - TF

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2016.

### 1. Thông tin chung về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

#### Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất lần thứ 20 ngày 19 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

#### Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	75,74%	75,74%	75,74%
Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	92,72%	92,72%	92,72%

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của công ty mẹ trong kỳ kế toán này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Lê Quang Định	Chủ tịch	19 tháng 1 năm 2013	28 tháng 3 năm 2016
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch	28 tháng 3 năm 2016	-
Ông Lê Văn Hiệp	Thành viên	06 tháng 5 năm 2013	-
Bà Tăng Thị Thu Lý	Thành viên	06 tháng 5 năm 2013	04 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	24 tháng 3 năm 2015	-
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	28 tháng 3 năm 2016	-
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	09 tháng 4 năm 2016	-

#### **Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Trưởng ban	06 tháng 5 năm 2013	09 tháng 4 năm 2016
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	09 tháng 4 năm 2016	-
Bà Đặng Thị Phương Loan	Thành viên	06 tháng 5 năm 2013	09 tháng 4 năm 2016
Bà Lê Thị Mỹ Chi	Thành viên	09 tháng 4 năm 2016	-
Bà Nguyễn Thị Hồng	Thành viên	09 tháng 4 năm 2016	-

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày từ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 5 năm 2013	-
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2013	-
Bà Chu Thị Ngọc Huyền	Giám đốc Tài chính kiểm Kế toán trưởng	19 tháng 01 năm 2013	-

#### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ trong kỳ kế toán này và cho đến ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đỗ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	06 tháng 5 năm 2013

### **3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2016.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**  


**Ông ĐỖ TIẾN DŨNG**  
Chủ tịch

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2016

Số : 96.PL/2016/BCKTHN-HCM.00561

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và các công ty con (gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 10 tháng 11 năm 2016, từ trang 6 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2016

A blue ink signature of Phạm Thị Ngọc Liên, written over a horizontal line.

**PHẠM THỊ NGỌC LIÊN**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1180-2014-009-1

300  
C  
ÁCH  
KIẾ  
AFC  
1-7

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>608.544.604.871</b>	<b>362.970.994.360</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>34.082.196.882</b>	<b>22.571.386.257</b>
Tiền	111		28.582.196.882	22.571.386.257
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.084.965.876</b>	<b>73.964.901.407</b>
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	81.373.366.372	58.891.420.601
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	10.997.968.789	14.260.922.491
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	5.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	1.727.003.941	1.478.164.382
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.017.289.495)	(665.606.067)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.916.269	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.7	<b>450.497.715.868</b>	<b>253.096.260.928</b>
Hàng tồn kho	141		450.797.715.868	253.096.260.928
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(300.000.000)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.879.726.245</b>	<b>13.338.445.768</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	1.307.340.763	831.975.180
Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.951.406.466	11.910.946.721
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	620.979.016	595.523.867
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>178.913.903.192</b>	<b>78.748.500.788</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	22.000.000	8.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>110.474.949.568</b>	<b>72.845.946.386</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	98.828.532.768	61.197.579.586
Nguyên giá	222		145.248.759.412	96.045.346.175
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(46.420.226.644)	(34.847.766.589)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	11.646.416.800	11.648.366.800
Nguyên giá	228		12.273.516.280	12.273.516.280
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(627.099.480)	(625.149.480)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>68.416.953.624</b>	<b>5.894.554.402</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	4.678.361.432	4.725.633.494
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.11	63.738.592.192	1.168.920.908
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>787.458.508.063</b>	<b>441.719.495.148</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>496.567.273.423</b>	<b>311.234.247.785</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>495.856.577.630</b>	<b>310.523.551.992</b>
Phải trả người bán	311	5.12	113.324.936.903	126.112.879.055
Người mua trả tiền trước	312	5.13	45.348.701.863	20.535.877.780
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	5.903.092.460	4.249.563.012
Phải trả người lao động	314		3.672.502.234	6.740.352.866
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	708.045.818	3.794.421.323
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	1.977.542.544	1.895.365.742
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	324.908.495.060	147.195.092.214
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.260.748	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>710.695.793</b>	<b>710.695.793</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		710.695.793	710.695.793
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>290.891.234.640</b>	<b>130.485.247.363</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>290.891.234.640</b>	<b>130.485.247.363</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18	142.315.340.000	111.161.690.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		142.315.340.000	111.161.690.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412	5.18	63.704.711.919	635.620.600
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu ngân quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.18	7.686.197.246	4.309.225.692
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.18	73.052.556.671	13.170.124.166
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		9.793.152.612	(15.197.628.226)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		63.259.403.059	28.367.752.392
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.19	4.132.429.805	1.208.586.905
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>787.458.508.063</b>	<b>441.719.495.148</b>

**LA NGỌC HUỖNH**

Người lập biểu

**CHU THỊ NGỌC HUỖNH**

Giám đốc-Tài chính  
kiểm Kế toán trưởng

**ĐỖ TIẾN DŨNG**

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2016


**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**


333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**


Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.873.644.700.828</b>	<b>1.215.700.896.872</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	140.262.143
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	6.1	<b>1.873.644.700.828</b>	<b>1.215.560.634.729</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.803.186.331.041	1.171.890.573.354
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>70.458.369.787</b>	<b>43.670.061.375</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	128.297.634	78.456.240
Chi phí tài chính	22	6.4	8.169.900.901	2.837.379.496
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		8.037.075.855	2.824.888.392
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	35.288.286.111	22.867.262.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	13.786.599.873	12.259.715.219
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>13.341.880.536</b>	<b>5.784.160.802</b>
Thu nhập khác	31	6.7	64.361.443.108	18.114.767.781
Chi phí khác	32	6.8	64.432.740	328.986.966
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>64.297.010.368</b>	<b>17.785.780.815</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>77.638.890.904</b>	<b>23.569.941.617</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	14.213.976.936	5.099.360.350
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>63.424.913.968</b>	<b>18.470.581.267</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		63.259.403.059	18.620.385.162
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		165.510.909	(149.803.895)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	5.609	1.675

  
**LA NGỌC HUYNH**  
 Người lập

  
**CHU THỊ NGỌC HUYNH**  
 Giám đốc Tài chính  
 kiêm Kế toán trưởng



  
**ĐỖ TIÊN DŨNG**  
 Tổng Giám đốc  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**


333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****(theo phương pháp gián tiếp)**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	77.638.890.904	23.569.941.617
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.373.314.633	5.795.758.560
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	(259.410.255)	(137.298.929)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(29.523.750)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.231.722.911)	(1.415.670.319)
Chi phí lãi vay	06	8.037.075.855	2.824.888.392
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>92.558.148.226</b>	<b>30.608.095.571</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(28.459.015.963)	(27.531.088.430)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(191.612.631.715)	(173.177.528.114)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	1.717.112.943	61.666.582.838
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	65.658.687	(6.048.087.276)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(8.190.291.597)	(2.796.425.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.794.439.575)	(4.367.494.677)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(15.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(145.715.458.994)</b>	<b>(121.661.245.428)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(82.212.375.023)	(37.664.050.472)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	41.127.272.728	24.969.272.725
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	13.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	7.642.805.169	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	127.982.080	47.674.017
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(20.314.315.046)</b>	<b>(12.647.103.730)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(172.818.181)	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.017.217.260.793	406.078.308.557
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(839.503.857.947)	(267.940.245.166)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>177.540.584.665</b>	<b>138.138.063.391</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>	<b>50</b>	<b>11.510.810.625</b>	<b>3.829.714.233</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>	<b>22.571.386.257</b>	<b>13.137.174.124</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Điều chỉnh ảnh hưởng số dư đầu năm		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>	<b>70</b>	<b>34.082.196.882</b>	<b>16.966.888.357</b>

  
LA NGỌC HUYNH  
Người lập

  
CHU THỊ NGỌC HUYNH  
Giám đốc Tài chính  
kiểm Kế toán trưởng

  
ĐỖ TIÊN ĐUNG  
Tổng Giám đốc  
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Bản thuyết minh hợp nhất này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn bao gồm: Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) và các công ty con là Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM.

### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

#### Công ty mẹ

Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("Công ty") là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ một xí nghiệp của Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cơ khí Ô tô Sài Gòn) theo Quyết định số 6418/QĐ-UB-KT ngày 15 tháng 10 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302000126, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 5 năm 2000 và các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi sau đó, với lần đăng ký thay đổi gần đây nhất là lần thứ 20 ngày 19 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán là HAX) được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 113/UBCK-GPNY ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 08. 35120026
- Fax : 08. 35120025

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là hoạt động thương mại và dịch vụ.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Trong 9 tháng đầu năm 2016, hoạt động chính của Tập đoàn là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

### 1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

995.  
TY  
THU  
DÁN  
HAI  
6CX

3  
3  
4  
8  
1  
1  
1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**  
333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**1.5 Cấu trúc của Tập đoàn**

Tập đoàn gồm Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh ("công ty mẹ"), Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM ("công ty con").

**Danh sách công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	75,74%	75,74%	75,74%
Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Hoạt động chính của Công ty là mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.	92,72%	92,72%	92,72%

**1.6 Số lượng nhân viên**

Số lượng nhân viên của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 387 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 317 người).

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 202 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (công ty mẹ) (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con bao gồm: Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (công ty con) và Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (công ty con) cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong kỳ, Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Ô Tô PTM từ ngày 17 tháng 09 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không hợp nhất kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Ô Tô PTM vào Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016, do kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Ô Tô PTM chỉ có 14 ngày và không trọng yếu.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Tập đoàn. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Công ty con được hợp nhất hoàn toàn kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn nắm quyền kiểm soát công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lỗ đó sẽ được phân bổ vào lợi ích của Tập đoàn cho tới khi phần lỗ trước đây do Tập đoàn gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

### 4.3 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh.

Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng của bên bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.



Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích là 10 năm.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua.

#### **4.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

#### **4.5 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối kỳ kế toán, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư và có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.7 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **4.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm các vật tư, phụ tùng xuất cho xưởng sửa chữa, bảo hành và các chi phí nhân công liên quan đến các dịch vụ đang thực hiện cho khách hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí sửa chữa, bảo trì và công cụ dụng cụ xuất dùng. Chi phí trả trước ngắn hạn sẽ được phân bổ dần trong thời gian 12 tháng kể từ khi phát sinh.
- Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ khi phát sinh.

### 4.10 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 10 năm

### 4.11 Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

### 4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để có được quyền sử dụng đất tại 331K, 331H, 333/4 và 335C Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Các quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

### 4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn với người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ và tài sản đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

### 4.14 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động, phụ lục hợp đồng lao động, quy chế và quy định về lương thưởng của các công ty trong Tập đoàn.

### 4.15 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Tập đoàn trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là 2%.

### 4.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

### 4.17 Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 4.18 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như khoản lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn; do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ; do đánh giá lại các công cụ tài chính và các khoản mục tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.19 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

##### ***Doanh thu bán hàng hoá***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

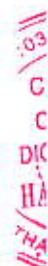
#### **4.20 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.



#### **4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

#### **4.22 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

#### **4.23 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **4.24 Công cụ tài chính**

Công cụ tài chính – ghi nhận ban đầu và trình bày

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

### Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm: phải trả người bán, chi phí phải trả, vay và nợ thuê tài chính và các khoản phải trả khác.

### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

## **4.25 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

<b>Công ty</b>	<b>Quan hệ</b>
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn-TNHH một thành viên (Samco) (*)	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

(\*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH một thành viên (Samco) không còn là bên liên quan tại Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	1.881.568.081	3.296.659.654
Tiền gửi ngân hàng – VND	26.700.628.801	19.270.320.212
Tiền gửi ngân hàng – USD	-	4.406.391
Các khoản tương đương tiền	5.500.000.000	-
	<u>34.082.196.882</u>	<u>22.571.386.257</u>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	20.271.155.889	4.585.099.235
Công ty Bảo Việt Cần Thơ	326.992.820	-
Công ty TNHH Bảo Hiểm Liberty	117.028.002	-
Phải khu khách hàng khác (*)	60.658.189.661	54.306.321.366
	<u>81.373.366.372</u>	<u>58.891.420.601</u>

(\*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng có gốc ngoại tệ là 78.730,00 USD tương đương 1.767.488.500 VND.

**5.3 Trả trước cho người bán**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành (*)	8.134.434.637	8.713.743.123
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	53.749.420	4.608.115.619
Trả trước cho người bán khác	2.809.784.732	939.063.749
	<u>10.997.968.789</u>	<u>14.260.922.491</u>

(\*) Đây là khoản ứng trước cho Công ty TNHH Nhựa Phước Thành theo hợp đồng thuê mặt bằng số 22/HĐTMB/PT-HAX ngày 05 tháng 7 năm 2010.

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu các cá nhân khác</b>		
Cho Ông Nguyễn Văn Trường vay với lãi suất 5,5%/năm (*)	3.500.000.000	-
Cho Ông Vũ Việt Anh vay với lãi suất 6,00%/năm (**)	1.500.000.000	-
	<u>5.000.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Hợp đồng cho vay tiền số 065/HĐV-PTM ngày 06 tháng 04 năm 2016 giữa Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Ông Nguyễn Văn Trường; Số tiền cho vay 3.500.000.000 VND; Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay 5,50%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay là tin chấp.

(\*\*) Hợp đồng cho vay tiền số 16/HĐV-PTM ngày 05 tháng 06 năm 2016 giữa Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM và Ông Vũ Việt Anh; Số tiền cho vay 1.500.000.000 VND; Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay 6,00%/năm; Biện pháp đảm bảo tiền vay là tin chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu tổ chức và cá nhân khác</b>				
Văn phòng đại diện – Công ty TNHH			852.900.000	-
Đầu tư AP Việt Nam	-	-	3.000.000	-
Tạm ứng nhân viên	604.346.200	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	-	-
Phải thu khác	1.104.657.741	-	622.264.382	-
	<b>1.727.003.941</b>	<b>-</b>	<b>1.478.164.382</b>	<b>-</b>

**5.5.2 Phải thu dài hạn khác**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu các tổ chức khác</b>				
Các khoản phải thu dài hạn khác	22.000.000	-	8.000.000	-
	<b>22.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.000.000</b>	<b>-</b>

**5.6 Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	30/09/2016		Thời gian quá hạn	01/01/2016	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>						
Công ty TNHH Đầu tư Bộ Ba						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	35.045.295	-	Từ 1 năm- dưới 2 năm	35.045.296	10.513.589
Công ty CP ĐT XD PVV Sài Gòn						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	105.454.400	-	Trên 3 năm	105.454.400	-
Công ty cổ phần Minh Thắng						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	447.577.960	-	Trên 3 năm	447.577.960	-
Bà Nguyễn Thị Đình Chiến						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	45.350.000	-	Trên 3 năm	45.350.000	-
Bà Võ Thị Thu Phương						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	42.692.000	-	Trên 3 năm	42.692.000	-
Công ty CP sản xuất và chuyển giao công nghệ Việt Nam TBI						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	41.987.000	-	-	-	-
Công ty xuất nhập khẩu vật tư kỹ thuật						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	68.800.000	-	-	-	-
Công ty Hợp doanh DMC - FER						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	53.650.000	-	-	-	-
Các đối tượng khác						
Phải thu thương mại	Trên 3 năm	219.608.220	42.875.380	-	-	-
		<b>1.060.164.875</b>	<b>42.875.380</b>		<b>676.119.656</b>	<b>10.513.589</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Tình hình thay đổi dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Giá trị VND
Số dư 01/01/2015	661.390.258
Trích lập dự phòng trong kỳ	(15.616.000)
Số dư 30/09/2015	<b>645.774.258</b>
Số dư 01/10/2015	645.774.258
Trích lập dự phòng trong kỳ	19.831.809
Số dư 31/12/2015	<b>665.606.067</b>
Số dư 01/01/2016	665.606.067
Trích lập dự phòng trong kỳ	351.683.428
Số dư 30/09/2016	<b>1.017.289.495</b>

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.877.388.538	(300.000.000)	39.583.487.364	-
Công cụ, dụng cụ	16.161.515	-	479.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.729.321.873	-	2.008.522.265	-
Hàng hóa (*)	407.174.843.942	-	211.503.772.299	-
<b>Cộng</b>	<b>450.797.715.868</b>	<b>(300.000.000)</b>	<b>253.096.260.928</b>	-

(\*) Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, giá trị ghi sổ của hàng hóa được dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng là 334.867.873.339 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 132.695.028.213 VND).

Tình hình thay đổi dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Giá trị VND
Số dư 01/01/2015	1.168.000.000
Trích lập dự phòng trong kỳ	699.634.142
Số dư 30/09/2015	<b>1.867.634.142</b>
Số dư 01/10/2015	1.867.634.142
(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(1.867.634.142)
Số dư 31/12/2015	-
Số dư 01/01/2016	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	300.000.000
Số dư 30/09/2016	<b>300.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
<i>Giá trị còn lại</i>						
Vào ngày 01/01/2016	21.070.376.312	5.336.881.314	32.992.382.705	633.544.950	1.164.394.305	61.197.579.586
Vào ngày 30/09/2016	<b>27.291.835.042</b>	<b>5.622.217.229</b>	<b>63.596.150.006</b>	<b>1.047.026.802</b>	<b>1.271.303.689</b>	<b>98.828.532.768</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2016	7.336.407.362	3.092.818.261	536.820.338	1.138.839.870	168.160.167	12.273.045.998
Vào ngày 30/09/2016	<b>12.253.764.857</b>	<b>3.622.895.956</b>	<b>536.820.338</b>	<b>1.231.739.870</b>	<b>168.160.167</b>	<b>17.813.381.188</b>

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	627.099.480	12.273.516.280
Vào ngày 30/09/2016	<b>11.646.416.800</b>	<b>627.099.480</b>	<b>12.273.516.280</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Vào ngày 01/01/2016	-	625.149.480	625.149.480
Khấu hao trong kỳ	-	1.950.000	1.950.000
Vào ngày 30/09/2016	-	<b>627.099.480</b>	<b>627.099.480</b>
<i>Giá trị còn lại</i>			
Vào ngày 01/01/2016	11.646.416.800	1.950.000	11.648.366.800
Vào ngày 30/09/2016	<b>11.646.416.800</b>	-	<b>11.646.416.800</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Vào ngày 01/01/2016	-	510.099.480	510.099.480
Vào ngày 30/09/2016	-	<b>627.099.480</b>	<b>627.099.480</b>

**5.11 Lợi thế thương mại**

	Giá trị VND
Tại ngày 01/01/2015	<b>1.688.315.083</b>
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(389.545.632)
Tại ngày 30/09/2015	<b>1.298.769.451</b>
Tại ngày 01/10/2015	<b>1.298.769.451</b>
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(129.848.544)
Tại ngày 31/12/2015	<b>1.168.920.907</b>
Tại ngày 01/01/2016	<b>1.168.920.907</b>
Tăng do đầu tư vào công ty con	62.959.216.915
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(389.545.630)
Tại ngày 30/09/2016	<b>63.738.592.192</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**5.12 Phải trả người bán**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	105.879.313.293	105.879.313.293	118.645.485.423	118.645.485.423
Công ty TNHH Đầu tư AP Việt Nam	1.545.454.545	1.545.454.545	-	-
Phải trả người bán khác	5.900.169.065	5.900.169.065	7.467.393.632	7.467.393.632
	<b>113.324.936.903</b>	<b>113.324.936.903</b>	<b>126.112.879.055</b>	<b>126.112.879.055</b>

**Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**5.13 Người mua trả tiền trước**

Các khoản trả trước của khách hàng là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe, được chi tiết như sau:

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>		
Công Ty Cổ Phần Cơ Khí Và Thương Mại BPV Việt Nam	-	3.000.000.000
Các khách hàng khác	45.348.701.863	17.535.877.780
	<b>45.348.701.863</b>	<b>20.535.877.780</b>

**5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải trả Nhà nước**

	01/01/2016		Số phát sinh trong kỳ			30/09/2016	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số khấu trừ/ Giảm khác/ Được hoàn VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	132.026.429	-	(134.909.098)	-	(2.882.669)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	132.752.115	(18.741.677)	194.336.555.840	(193.952.117.058)	(405.687.431)	111.503.466	(18.741.677)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	118.652.548	-	(118.652.548)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.695.773.411	(4.465.499)	14.213.976.936	(637.329.785)	(11.794.439.575)	5.534.584.365	(61.068.876)
Thuế thu nhập cá nhân	353.190.616	-	1.547.213.058	(387.341.879)	(1.442.256.288)	71.168.366	(362.859)
Tiền thuê đất	-	(572.316.691)	591.902.515	-	(371.672.496)	185.836.263	(537.922.935)
Các loại thuế khác	67.846.870	-	-	-	(67.846.870)	-	-
	<b>4.249.563.012</b>	<b>(595.523.867)</b>	<b>210.940.327.326</b>	<b>(194.976.788.721)</b>	<b>(14.335.464.306)</b>	<b>5.903.092.460</b>	<b>(620.979.016)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Chi phí phải trả tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí lãi vay	-	148.868.056
Chi phí vận chuyển	16.381.810	201.275.454
Chi phí giá vốn bán xe trích trước	-	2.293.456.783
Chi phí khác	691.664.008	1.150.821.030
	<b>708.045.818</b>	<b>3.794.421.323</b>

**5.16 Các khoản phải trả ngắn hạn khác****5.16.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	188.882.348	80.763.300
Bảo hiểm xã hội, y tế và thất nghiệp	178.880.558	123.436.095
Cổ tức phải trả	86.875.200	86.875.200
Nhận ký quỹ của Công ty Bảo Việt Sài Gòn	200.000.000	200.000.000
Hàng thừa chờ xử lý	12.640.835	12.640.835
Phải trả do thu hộ tiền bảo hiểm	1.077.974.539	880.258.481
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	232.289.064	511.391.831
	<b>1.977.542.544</b>	<b>1.895.365.742</b>

**5.16.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**5.17 Vay****5.17.1 Vay ngắn hạn**

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>				
Vay ngắn hạn ngân hàng: (*)	324.908.495.060	324.908.495.060	132.695.092.214	132.695.092.214
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Đa	-	-	5.824.760.799	5.824.760.799
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	89.635.044.549	89.635.044.549	74.665.977.263	74.665.977.263
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	235.273.450.511	235.273.450.511	52.204.354.152	52.204.354.152
Vay ngắn hạn của tổ chức khác	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
- Vay Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	-	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	-	-	5.500.000.000	5.500.000.000
	<b>324.908.495.060</b>	<b>324.908.495.060</b>	<b>147.195.092.214</b>	<b>147.195.092.214</b>

(\*) Các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng để kinh doanh xe ô tô với lãi suất theo từng thời điểm vay. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**  
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2016 VND	Số tiền vay phát sinh trong kỳ VND	Số tiền vay đã trả trong kỳ VND	30/09/2016 VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	132.695.092.214	1.006.717.260.793	(814.503.857.947)	324.908.495.060
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	9.000.000.000	10.500.000.000	(19.500.000.000)	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	5.500.000.000	-	(5.500.000.000)	-
	<b>147.195.092.214</b>	<b>1.017.217.260.793</b>	<b>(839.503.857.947)</b>	<b>324.908.495.060</b>

**5.17.2 Số dư vay quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có số dư vay ngắn hạn quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và 31 tháng 12 năm 2015.

**5.18 Vốn chủ sở hữu ("CSH")**

**5.18.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	(15.179.135.226)	100.927.401.066
Lãi trong kỳ	-	-	-	18.620.385.162	18.620.385.162
Giảm khác	-	-	-	(18.493.000)	(18.493.000)
Số dư 30/09/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	3.422.756.936	119.529.293.228
Số dư 01/10/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	3.422.756.936	119.529.293.228
Lãi trong kỳ	-	-	-	10.180.091.826	10.180.091.826
Chênh lệch giữa giá trị đầu tư vào công ty con tăng thêm so với giá trị tài sản thuần của cổ đông không kiểm soát chuyển nhượng	-	-	-	(432.724.596)	(432.724.596)
Số dư 31/12/2015	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	13.170.124.166	129.276.660.458
Số dư 01/01/2016	111.161.690.000	635.620.600	4.309.225.692	13.170.124.166	129.276.660.458
Tăng vốn trong kỳ (*)	31.153.650.000	-	-	-	31.153.650.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	63.069.091.319	-	-	63.069.091.319
Lãi trong kỳ	-	-	-	63.259.403.059	63.259.403.059
Trích lập quỹ	-	-	3.376.971.554	(3.376.971.554)	-
Số dư 30/09/2016	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.197.246	73.052.555.671	286.758.804.836

(\*) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM (sau đây gọi tắt là "PTM") theo tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 03 năm 2016 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành, HAX đã trở thành công ty mẹ của PTM, sở hữu 92,72% vốn góp của PTM.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

Chi tiết phương án phát hành như sau:

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 3.115.365 cổ phiếu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông của PTM (ngoại trừ cổ đông chính là HAX)
- Tỷ lệ hoán đổi cổ phần: PTM : HAX = 10 : 8 (nghĩa là 10 cổ phiếu PTM được đổi 8 cổ phiếu HAX).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký thay đổi lần thứ 20, ngày 19 tháng 10 năm 2016) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 142.315.340.000 VND.

**5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH một thành viên	-	-	36.277.240.000	32,63
Ông Đỗ Tiến Dũng	19.789.540.000	13,91	19.789.540.000	17,80
Bà Vũ Thị Hạnh	18.554.570.000	13,04	7.554.570.000	6,80
Ông Hoàng Đức Hùng	12.291.330.000	8,64	-	-
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	11.915.380.000	8,37	11.915.380.000	10,72
Ông Hoàng Đức Thành	8.083.200.000	5,68	-	-
Cổ đông khác	71.681.320.000	50,36	35.624.960.000	32,05
	<b>142.315.340.000</b>	<b>100,00</b>	<b>111.161.690.000</b>	<b>100,00</b>

**5.18.3 Cổ phiếu**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.231.534	11.116.169
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.231.534	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	14.231.534	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.231.534	11.116.169
- Cổ phiếu phổ thông	14.231.534	11.116.169
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

**5.18.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Công ty đã trích lập cho Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ là 20% của lợi nhuận sau thuế lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**5.19 Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

	<b>9 tháng đầu năm 2016</b>	<b>Năm 2015</b>
	VND	VND
Số đầu kỳ/năm	1.208.586.905	1.882.434.906
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	165.510.909	(516.656.849)
Giá trị tài sản thuần tại công ty con tương ứng phần vốn đã chuyển nhượng	2.758.331.991	(156.425.404)
Điều chỉnh giảm khác	-	(765.748)
<b>Số cuối kỳ/năm</b>	<b>4.132.429.805</b>	<b>1.208.586.905</b>

**5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>30/09/2016</b>		<b>01/01/2016</b>	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
a) Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê đất phải trả ước tính trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn (*)		<b>38.799.144.818</b>		<b>31.946.301.002</b>
- Dưới 1 năm;		5.841.018.719		5.435.434.871
- Trên 1 năm đến 5 năm;		15.921.851.687		17.334.125.849
- Trên 5 năm;		17.036.274.411		9.176.740.282
b) Hàng hóa nhận giữ hộ:		<b>281.445.000</b>		<b>281.445.000</b>
- Bộ Mut-III	1	26.235.000	1	26.235.000
- Trụ nâng	4	165.360.000	4	165.360.000
- Cầu nâng	1	26.000.000	1	26.000.000
- Thiết bị pha sơn	1	63.850.000	1	63.850.000
c) Ngoại tệ các loại				
- USD		-		211,51

**(\*) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động bao gồm:**

- Theo Thông báo số 9100/TB-CT ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số tiền thuê 2.090 m<sup>2</sup> đất tại số 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê là 2.408 VND/m<sup>2</sup>/tháng từ ngày 16 tháng 5 năm 2015 đến ngày 16 tháng 5 năm 2020. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn từ ngày 17 tháng 5 năm 2000 đến ngày 01 tháng 01 năm 2046; và
- Công ty đi thuê tại 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng thuê số 1502/2015/LK/IMI-HAXACO ngày 15 tháng 02 năm 2015, thời hạn thuê 05 năm kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2015 với giá thuê như sau:
  - + Nhà xưởng trung tâm dịch vụ máy công cụ và sân bãi: 1.500.000.000 VND/năm; và
  - + Showroom, văn phòng làm việc: 180.000 USD/năm
- Theo Quyết định số 196/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ ngày 20 tháng 01 năm 2014 thu hồi 3.891,8 m<sup>2</sup> đất tại số 102, đường Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, diện tích đất thuê còn lại là 3.913,79 m<sup>2</sup> với giá thuê là 743.344.992 VND/năm. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 40 năm tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2003.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu kinh doanh xe	1.739.285.672.636	1.105.500.306.100
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	13.2351.411.290	106.074.643.028
Doanh thu hoạt động khác	2.007.616.902	4.125.947.744
	<u>1.873.644.700.828</u>	<u>1.215.700.896.872</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	-	(140.262.143)
	-	<u>(140.262.143)</u>
<b>Doanh thu thuần</b>	<u>1.873.644.700.828</u>	<u>1.215.560.634.729</u>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Giá vốn kinh doanh xe	1.683.579.677.497	1.072.637.214.731
Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	119.054.075.364	97.930.466.117
Giá vốn hoạt động khác	252.578.180	1.444.575.435
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	300.000.000	(121.682.929)
	<u>1.803.186.331.041</u>	<u>1.171.890.573.354</u>

**6.3 Doanh thu tài chính**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	127.982.080	47.674.017
Lãi chênh lệch tỷ giá	315.554	30.782.223
	<u>128.297.634</u>	<u>78.456.240</u>

**6.4 Chi phí tài chính**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	8.037.075.855	2.824.888.392
Chi phí lãi mua hàng trả chậm	44.458.435	4.872.354
Chi phí tài chính khác	88.366.611	7.618.750
	<u>8.169.900.901</u>	<u>2.837.379.496</u>

3300  
CÍ  
RÁCH  
KIẾ  
AFC  
1/1-

26.  
V  
TÔ  
10/1



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**6.5 Chi phí bán hàng**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	12.889.101.905	7.921.088.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.482.278.583	2.722.964.428
Chi phí thuê kho bãi, mặt bằng, bảng hiệu, thuế khác	6.038.336.806	3.935.806.969
Chi phí bán hàng khác	8.878.568.817	8.287.402.204
	<u>35.288.286.111</u>	<u>22.867.262.098</u>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.389.982.924	5.760.214.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	530.022.732	1.049.223.945
Chi phí lợi thế thương mại	389.545.631	389.545.631
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.477.048.586	5.060.730.783
	<u>13.786.599.873</u>	<u>12.259.715.219</u>

**6.7 Thu nhập khác**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.103.740.831	1.679.204.934
Thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng và hỗ trợ từ Mercedes Benz Việt Nam	57.424.709.726	15.475.608.600
Thu nhập khác	3.832.992.551	959.954.247
	<u>64.361.443.108</u>	<u>18.114.767.781</u>

**6.8 Chi phí khác**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Tiền phạt, truy thu thuế	35.939.630	62.327.078
Chi phí khác	28.493.110	266.659.888
	<u>64.432.740</u>	<u>328.986.966</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	14.213.976.936	5.099.360.350
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>14.213.976.936</b>	<b>5.099.360.350</b>

**6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

		9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	VND	63.259.403.059	18.620.385.162
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	VND	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND	63.259.403.059	18.620.385.162
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP	11.277.706	11.116.169
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/CP	<b>5.609</b>	<b>1.675</b>

**6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	9 tháng đầu năm 2016 VND
Chi phí mua hàng hóa là xe và phụ tùng	1.693.537.715.623
Chi phí nguyên vật liệu	90.725.613.824
Chi phí nhân công	33.428.225.346
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.373.314.633
Lợi thế thương mại	389.545.631
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.256.354.238
Chi phí khác	5.625.792.795
	<b>1.856.336.562.090</b>

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty**

	9 tháng đầu năm 2016 VND	9 tháng đầu năm 2015 VND
Tiền lương và thu nhập khác	2.239.454.310	2.032.770.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**  
 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Các chi phí chung được phân bổ cho từng bộ phận dựa theo tỷ lệ phần trăm doanh thu của từng bộ phận.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn được chia thành 2 bộ phận hoạt động gồm :

- Lĩnh vực kinh doanh xe
- Lĩnh vực dịch vụ sửa chữa xe, bán phụ tùng và khác.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
<b>9 tháng đầu năm 2016</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.739.285.672.636	134.359.028.192	1.873.644.700.828
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.739.285.672.636</b>	<b>134.359.028.192</b>	<b>1.873.644.700.828</b>
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(1.683.579.677.497)	(119.606.653.544)	(1.803.186.331.041)
<b>Lãi gộp theo bộ phận</b>	<b>55.705.995.139</b>	<b>14.752.374.648</b>	<b>70.458.369.787</b>
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(31.951.211.363)	(3.337.074.748)	(35.288.286.111)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>23.754.783.776</b>	<b>11.415.299.900</b>	<b>35.170.083.676</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(13.786.599.873)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>21.383.483.803</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			128.297.634
Chi phí tài chính			(8.169.900.901)
Thu nhập khác			64.361.443.108
Chi phí khác			(64.432.740)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(14.213.976.936)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>63.424.913.968</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
<b>9 tháng đầu năm 2015</b>			
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.105.500.306.100	110.200.590.772	1.215.560.634.729
DT thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.105.500.306.100</b>	<b>110.200.590.772</b>	<b>1.215.560.634.729</b>
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(1.072.637.214.731)	(99.253.358.623)	(1.171.890.573.354)
<b>Lãi gộp theo bộ phận</b>	<b>32.863.091.369</b>	<b>10.947.232.149</b>	<b>43.670.061.375</b>
Các chi phí phân bổ theo bộ phận	(19.779.203.117)	(3.088.058.981)	(22.867.262.098)
<b>Lợi nhuận hoạt động kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>13.083.888.252</b>	<b>7.859.173.168</b>	<b>20.802.799.277</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.259.715.219)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>8.543.084.058</b>
Doanh thu hoạt động tài chính			78.456.240
Chi phí tài chính			(2.837.379.496)
Thu nhập khác			18.114.767.781
Chi phí khác			(328.986.966)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.099.360.350)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>18.470.581.267</b>

Báo cáo tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Kinh doanh xe VND	Dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng, khác VND	Cộng VND
<b>Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	542.877.876.730	100.239.971.774	643.117.848.504
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	144.340.659.559
<b>Tổng tài sản</b>	<b>542.877.876.730</b>	<b>100.239.971.774</b>	<b>787.458.508.063</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	478.117.971.677	6.646.672.319	484.764.643.996
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	11.802.629.427
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>478.117.971.677</b>	<b>6.646.672.319</b>	<b>496.567.273.423</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	311.167.864.039	62.368.581.662	373.536.445.701
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	68.183.049.447
<b>Tổng tài sản</b>	<b>311.167.864.039</b>	<b>62.368.581.662</b>	<b>441.719.495.148</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	275.582.613.038	21.278.701.886	296.861.314.924
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	14.372.932.861
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>275.582.613.038</b>	<b>21.278.701.886</b>	<b>311.234.247.785</b>

## 7.2 Công cụ tài chính

### *Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính*

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các rủi ro tài chính của Tập đoàn bao gồm : rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý các rủi ro nói trên như sau:

### *i. Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro : rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Tập đoàn chịu rủi ro về ngoại tệ, lãi suất và giá hàng hóa.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tập đoàn có các khoản tài sản tài chính chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

Phải thu khách hàng	USD 78.730,00
---------------------	------------------

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức tồn kho một cách hợp lý.

### *ii. Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác.

10444  
CÔNG  
NHỊP  
TIÊM T  
C VIỆ  
TP.H

30  
Ô  
CỔ  
CH  
NI  
YH

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

*Phải thu khách hàng*

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản cho vay, các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.4 và 5.5.

*iii. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 09 năm 2016</b>			
Phải trả người bán	113.324.936.903	-	113.324.936.903
Chi phí phải trả	708.045.818	-	708.045.818
Các khoản phải trả khác	1.510.263.603	-	1.510.263.603
Vay	324.908.495.060	-	324.908.495.060
	<u>440.451.741.384</u>	<u>-</u>	<u>440.451.741.384</u>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Phải trả người bán	126.112.879.055	-	126.112.879.055
Chi phí phải trả	3.794.421.323	-	3.794.421.323
Các khoản phải trả khác	1.591.650.312	-	1.591.650.312
Vay	147.195.092.214	-	147.195.092.214
	<u>278.694.042.904</u>	<u>-</u>	<u>278.694.042.904</u>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có).

995.  
TY  
HỮU  
DÂN  
HÀ  
3CH

1002  
NG  
PH  
VỤ  
XA  
T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
<b>Ngày 30 tháng 09 năm 2016</b>			
Tiền và tương đương tiền	34.082.196.882	-	34.082.196.882
Phải thu khách hàng	81.373.366.372	-	81.373.366.372
Các khoản phải thu khác	943.405.657	22.000.000	965.405.657
	<b>116.398.968.911</b>	<b>22.000.000</b>	<b>116.420.968.911</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>			
Tiền và tương đương tiền	22.571.386.257	-	22.571.386.257
Phải thu khách hàng	58.891.420.601	-	58.891.420.601
Các khoản phải thu khác	1.478.164.382	8.000.000	1.486.164.382
	<b>82.940.971.240</b>	<b>8.000.000</b>	<b>82.948.971.240</b>

**Tài sản đảm bảo**

Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016:

- Tập đoàn đã thế chấp các chứng từ hàng hóa là xe ô tô để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh số 5.7 và 5.17); và
- Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác.

**iv. Giá trị hợp lý**

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/09/2016 VND	31/12/2015 VND	30/09/2016 VND	31/12/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	34.082.196.882	22.571.386.257	34.082.196.882	22.571.386.257
Phải thu khách hàng	81.373.366.372	58.891.420.601	80.356.076.877	58.225.814.534
Các khoản phải thu khác	943.405.657	1.486.164.382	943.405.657	1.486.164.382
	<b>116.398.968.911</b>	<b>82.948.971.240</b>	<b>115.381.679.416</b>	<b>82.283.365.173</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	113.324.936.903	126.112.879.055	113.324.936.903	126.112.879.055
Chi phí phải trả	708.045.818	3.794.421.323	708.045.818	3.794.421.323
Các khoản phải trả khác	1.510.263.603	1.591.650.312	1.510.263.603	1.591.650.312
Vay	324.908.495.060	147.195.092.214	324.908.495.060	147.195.092.214
	<b>440.451.741.384</b>	<b>278.694.042.904</b>	<b>440.451.741.384</b>	<b>278.694.042.904</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

v. *Phòng ngừa rủi ro*

Tập đoàn không áp dụng chính sách kế toán phòng ngừa rủi ro.

**7.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.



**LA NGỌC HUỖNH**  
Người lập



**CHU THỊ NGỌC HUYỀN**  
Giám đốc Tài chính  
kiểm Kế toán trưởng



**ĐỖ TIẾN DŨNG**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2016





**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 9 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2016

**5.8 Chi phí trả trước****5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	341.476.192	344.925.406
Chi phí bảo trì phần mềm	10.666.667	58.666.667
Công cụ dụng cụ	800.080.098	419.465.988
Phí bảo hiểm cháy nổ	24.881.695	-
Cước phí Internet	27.160.000	-
Chi phí khác	103.076.111	8.917.119
	<b>1.307.340.763</b>	<b>831.975.180</b>

**5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	30/09/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.726.693.857	1.096.377.397
Công cụ, dụng cụ	2.939.811.203	3.574.916.097
Chi phí thuê server FPT	9.880.000	54.340.000
Chi phí khác	1.976.372	-
	<b>4.678.361.432</b>	<b>4.725.633.494</b>

**5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Vào ngày 01/01/2016	42.550.511.788	15.239.420.049	34.822.949.986	1.686.656.012	1.745.808.340	96.045.346.175
Tăng trong kỳ	13.012.003.235	3.211.829.255	79.689.451.276	614.110.251	288.172.198	96.815.566.215
Tăng do mua công ty con PTM	6.812.409.247	1.412.651.755	614.549.727	35.816.000	-	8.875.426.729
Tăng do mua mới trong kỳ	6.199.593.988	1.799.177.500	79.074.901.549	578.294.251	288.172.198	87.940.139.486
Giảm do thanh lý	-	-	(41.800.908.794)	-	-	(41.800.908.794)
Giảm do hưởng chiết khấu từ MBV	-	-	(5.756.134.443)	-	-	(5.756.134.443)
Tăng/(giảm) khác	54.479.360	(221.425.780)	(431.741)	213.855.130	(101.586.710)	(55.109.741)
Vào ngày 30/09/2016	<b>55.616.994.383</b>	<b>18.229.823.524</b>	<b>66.954.926.284</b>	<b>2.514.621.393</b>	<b>1.932.393.828</b>	<b>145.248.759.412</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Vào ngày 01/01/2016	21.480.135.476	9.902.538.735	1.830.567.281	1.053.111.062	581.414.035	34.847.766.589
Khấu hao trong kỳ	6.611.930.681	2.955.319.006	5.334.377.032	164.140.394	367.549.560	15.433.316.673
Khấu hao tăng do mua công ty con PTM	3.786.179.217	1.239.956.823	-	35.816.000	-	5.061.952.040
Khấu hao phát sinh trong kỳ	2.825.751.464	1.715.362.183	5.334.377.032	128.324.394	367.549.560	10.371.364.633
Giảm do thanh lý	-	-	(3.777.376.900)	-	-	(3.777.376.900)
Phân loại lại	48.713.447	(28.817.226)	-	-	(19.896.221)	-
Tăng/(giảm) khác	184.379.737	(221.434.226)	(28.791.135)	250.343.135	(267.977.235)	(83.479.718)
Vào ngày 30/09/2016	<b>28.325.159.341</b>	<b>12.607.606.289</b>	<b>3.358.776.278</b>	<b>1.467.594.591</b>	<b>661.090.139</b>	<b>46.420.226.644</b>